

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 23, 24/04/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 380 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 23, 24/04/2021 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTTCB867	Phù Văn	Chất	12/10/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt
2	CNTTCB868	Nguyễn Thị	Chiến	04/10/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
3	CNTTCB869	Vi Thị	Chung	20/07/1986	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	8,0	Đạt
4	CNTTCB870	Nguyễn Minh	Hằng	06/08/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
5	CNTTCB871	Hoàng Thị	Hiệp	29/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,0	8,0	Đạt
6	CNTTCB873	Nguyễn Văn	Hòa	27/09/2000	Tuyên Quang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
7	CNTTCB874	Ngọc Thị	Huyền	26/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
8	CNTTCB875	Nguyễn Thị	Lành	12/02/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
9	CNTTCB876	Đỗ Thị	Linh	13/05/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
10	CNTTCB877	Giáp Thị	Lĩnh	10/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,7	9,0	Đạt
11	CNTTCB878	Nguyễn Thị Phương	Nam	08/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	9,0	Đạt
12	CNTTCB879	Lương Thị Thanh	Nga	27/08/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt
13	CNTTCB880	Nguyễn Thị Đức	Ngân	21/12/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
14	CNTTCB881	Trần Thị	Nụ	06/03/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
15	CNTTCB882	Ngô Thị	Phương	09/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt
16	CNTTCB883	Bùi Văn	Thụ	15/04/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt
17	CNTTCB884	Nguyễn Sỹ	Tuyển	14/10/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
18	CNTTCB885	Nguyễn Văn	Viễn	23/11/1978	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,2	7,5	Đạt
19	CNTTCB886	Ngô Thế	Vũ	09/01/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt
20	CNTTCB887	Đỗ Thị	Xen	09/08/1986	Phú Thọ	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
21	CNTTCB888	Nguyễn Thị	Xuân	08/01/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,5	Đạt
22	CNTTCB889	Nguyễn Thị	Xuân	14/06/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
23	CNTTCB890	Nguyễn Thị	Ái	06/02/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTTCB891	Diệp Thị Lan	Anh	26/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
25	CNTTCB892	Lâm Thị Vân	Anh	04/03/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	5,7	6,0	Đạt
26	CNTTCB893	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,0	Đạt
27	CNTTCB894	Nguyễn Vân	Anh	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
28	CNTTCB895	Phạm Việt	Anh	25/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
29	CNTTCB896	Phạm Việt	Anh	29/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
30	CNTTCB897	Tô Thị Vân	Anh	24/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	6,0	Đạt
31	CNTTCB898	Trần Thị Lâm	Anh	19/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
32	CNTTCB899	Trương Nguyễn Tuấn	Anh	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt
33	CNTTCB900	Trương Việt	Anh	28/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
34	CNTTCB901	Vũ Công	Anh	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
35	CNTTCB902	Hà Thị Thu	Ánh	01/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
36	CNTTCB903	Lưu Văn	Ánh	15/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
37	CNTTCB904	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
38	CNTTCB905	Bằng Văn	Bảo	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
39	CNTTCB906	Diệp Quốc	Bảo	09/07/2003	Bắc Giang	Nam	Phén	6,2	6,0	Đạt
40	CNTTCB907	Phạm Quốc	Bảo	07/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
41	CNTTCB908	Vi Văn	Bình	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
42	CNTTCB909	Chu Văn	Bông	08/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
43	CNTTCB910	Nguyễn Xuân	Cảnh	29/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
44	CNTTCB911	Đỗ Thị Thu	Chà	29/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
45	CNTTCB912	Lê Thị Ngọc	Chi	03/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
46	CNTTCB913	Tạ Minh	Chiến	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	6,0	Đạt
47	CNTTCB914	Trương Thành	Chiến	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,5	6,5	Đạt
48	CNTTCB915	Lưu Đức	Chính	10/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
49	CNTTCB916	Nguyễn Thị	Chúc	04/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
50	CNTTCB917	Hoàng Văn	Chung	03/06/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,0	5,5	Đạt
51	CNTTCB918	Vi Văn	Chung	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
52	CNTTCB919	Lý Văn	Chuyên	22/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt
53	CNTTCB920	Hoàng Triệu	Công	16/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt
54	CNTTCB921	Đàm Văn	Cương	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,2	5,5	Đạt
55	CNTTCB922	Lý Văn	Cương	16/06/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,2	6,0	Đạt
56	CNTTCB923	Phạm Tiến	Cương	04/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
57	CNTTCB924	Bùi Mạnh	Cường	06/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
58	CNTTCB925	Phạm Văn	Cường	26/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
59	CNTTCB926	Phạm Bích	Diệp	30/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
60	CNTTCB927	Nguyễn Ngọc	Diệu	07/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
61	CNTTCB928	Vy Xuân	Dịu	31/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	6,5	Đạt
62	CNTTCB929	Nguyễn Thị	Dung	16/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
63	CNTTCB930	Triệu Thị	Dung	05/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
64	CNTTCB931	Cao Văn	Dũng	02/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
65	CNTTCB932	Hồ Anh	Dũng	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
66	CNTTCB933	Hồng Mạnh	Dũng	07/11/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt
67	CNTTCB934	Nguyễn Tiến	Dũng	23/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
68	CNTTCB935	Nguyễn Đức	Duy	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
69	CNTTCB936	Nguyễn Xuân	Duy	15/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
70	CNTTCB937	Trần Tiến	Duy	19/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
71	CNTTCB938	Hoàng Văn	Duyên	27/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
72	CNTTCB939	Trương Thị	Duyên	27/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	6,0	Đạt
73	CNTTCB940	Hoàng Văn	Dương	22/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
74	CNTTCB941	Ngô Nguyễn Đức	Dương	13/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
75	CNTTCB942	Vi Ánh	Dương	17/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
76	CNTTCB943	Chu Văn	Đại	22/10/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt
77	CNTTCB944	Mạc Văn	Đại	25/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
78	CNTTCB945	Chu Thị	Diễn	02/06/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,0	Đạt
79	CNTTCB946	Đặng Ngọc	Diệp	19/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
80	CNTTCB947	Trương Quang	Diệp	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	6,0	Đạt
81	CNTTCB948	Trương Văn	Diệp	17/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt
82	CNTTCB949	Vũ Quang	Định	07/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
83	CNTTCB950	Ban Văn	Đoàn	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
84	CNTTCB951	Triệu Hồng	Đoàn	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,0	Đạt
85	CNTTCB952	Vi Văn	Đoàn	08/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
86	CNTTCB953	Leo Văn	Đô	22/03/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,5	Đạt
87	CNTTCB954	Trịnh Đức	Độ	25/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
88	CNTTCB955	Nguyễn Thành	Đôn	23/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
89	CNTTCB956	Vi Văn	Đông	11/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
90	CNTTCB957	Mạc Văn	Đức	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
91	CNTTCB958	Hoàng Văn	Được	14/11/2003	Bắc Giang	Nam	Phén	6,5	5,5	Đạt
92	CNTTCB959	Đặng Hoàng	Giang	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
93	CNTTCB960	Hoàng Ngọc	Giang	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
94	CNTTCB961	Thăng Thị	Hà	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt
95	CNTTCB962	Triệu Thị Thu	Hà	15/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
96	CNTTCB963	Vi Văn	Hà	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt
97	CNTTCB964	Giáp Thị Bích	Hạnh	16/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
98	CNTTCB965	Luân Thị	Hạnh	20/07/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt
99	CNTTCB966	Hoàng Thị	Hằng	10/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt
100	CNTTCB967	Nguyễn Thị Bích	Hằng	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
101	CNTTCB968	Tạ Thị Hằng	25/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
102	CNTTCB969	Nguyễn Thị Hân	01/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
103	CNTTCB970	Hoàng Thị Hậu	16/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
104	CNTTCB971	Nông Văn Hậu	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
105	CNTTCB972	Hoàng Thị Hiền	25/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	5,7	5,5	Đạt
106	CNTTCB973	Lâm Văn Hiền	01/11/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
107	CNTTCB974	Trần Quang Hiền	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
108	CNTTCB975	Văn Phú Hiền	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
109	CNTTCB976	Vi Thị Thu Hiền	20/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	Đạt
110	CNTTCB977	Vũ Minh Hiền	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
111	CNTTCB978	Mạc Văn Hiền	04/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
112	CNTTCB979	Dương Xuân Hiệp	13/11/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,0	Đạt
113	CNTTCB980	Hoàng Văn Hiệp	21/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
114	CNTTCB981	Trần Đức Hiệp	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt
115	CNTTCB982	Đặng Bùi Minh Hiếu	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
116	CNTTCB983	Đỗ Hữu Hiếu	15/05/1971	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt
117	CNTTCB984	Hoàng Trung Hiếu	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
118	CNTTCB985	Lê Văn Hiếu	18/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
119	CNTTCB986	Ngô Văn Hiếu	09/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
120	CNTTCB987	Nguyễn Văn Hiếu	24/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
121	CNTTCB988	Thôi Văn Hiếu	17/04/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,7	5,0	Đạt
122	CNTTCB989	Trần Minh Hiếu	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
123	CNTTCB990	Vi Văn Hiếu	26/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
124	CNTTCB991	Nguyễn Thị Hoa	13/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
125	CNTTCB992	Ninh Thị Phương Hoa	02/08/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,5	5,5	Đạt
126	CNTTCB993	Trịnh Thị Hoa	12/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
127	CNTTCB994	Thăng Thị	Hoài	03/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	Đạt
128	CNTTCB995	Lý Văn	Hoan	01/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
129	CNTTCB996	Dương Văn	Hoàng	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	5,7	5,5	Đạt
130	CNTTCB997	Dương Việt	Hoàng	21/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
131	CNTTCB998	Lâm Văn	Hoàng	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,2	5,0	Đạt
132	CNTTCB999	Lê Việt	Hoàng	26/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
133	CNTTCB1000	Leo Văn	Hoàng	12/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt
134	CNTTCB1001	Nguyễn Huy	Hoàng	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
135	CNTTCB1002	Nguyễn Thị Kim	Hồng	28/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
136	CNTTCB1003	Lại Văn	Hợp	03/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	Đạt
137	CNTTCB1004	Cao Hoàng	Huân	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
138	CNTTCB1005	Lê Thị	Huệ	20/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
139	CNTTCB1006	Chu Việt	Hùng	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,7	5,5	Đạt
140	CNTTCB1007	Trịnh Việt	Hùng	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
141	CNTTCB1008	Nguyễn Viết	Huy	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
142	CNTTCB1009	Nông Đức	Huy	20/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
143	CNTTCB1010	Trần Quang	Huy	20/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
144	CNTTCB1011	Trần Quốc	Huy	08/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,5	5,0	Đạt
145	CNTTCB1012	Trần Văn	Huy	14/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
146	CNTTCB1013	Trần Văn	Huy	26/06/2002	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,5	5,0	Đạt
147	CNTTCB1014	Nguyễn Thị	Huyền	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
148	CNTTCB1015	Nguyễn Thu	Huyền	01/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
149	CNTTCB1016	Mạc Văn	Huỳnh	13/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
150	CNTTCB1017	Từ Văn	Huỳnh	11/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,0	5,5	Đạt
151	CNTTCB1018	Nguyễn Thị	Hương	23/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
152	CNTTCB1019	Phạm Thị	Hương	13/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
153	CNTTCB1020	Vi Thị	Hường	21/09/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
154	CNTTCB1021	Giáp Thị	Hường	17/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
155	CNTTCB1022	Lê Duy	Khải	02/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
156	CNTTCB1023	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt
157	CNTTCB1024	Đặng Văn	Khương	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
158	CNTTCB1025	Đàm Trung	Kiên	27/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
159	CNTTCB1026	Hồ Mạnh	Kiên	25/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
160	CNTTCB1027	Nguyễn Văn	Kiên	11/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
161	CNTTCB1028	Chu Quốc	Lai	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt
162	CNTTCB1029	Leo Thị	Lan	22/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
163	CNTTCB1030	Nông Thị	Lan	24/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
164	CNTTCB1031	Tạ Thị Ngọc	Lan	10/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt
165	CNTTCB1032	Vi Ngọc	Lâm	16/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
166	CNTTCB1033	Vi Trường	Lâm	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
167	CNTTCB1034	Lăng Thị	Lệ	29/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
168	CNTTCB1035	Vi Thị	Lệ	06/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
169	CNTTCB1036	Hoàng Văn	Lịch	23/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
170	CNTTCB1037	Đào Thị	Liên	12/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
171	CNTTCB1038	Hoàng Thị Khánh	Linh	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	5,5	Đạt
172	CNTTCB1039	Lý Thị	Linh	22/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,0	Đạt
173	CNTTCB1040	Nguyễn Thị Trà	Linh	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt
174	CNTTCB1041	Trần Thị Thùy	Linh	17/07/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt
175	CNTTCB1042	Triệu Thị Thùy	Linh	29/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
176	CNTTCB1043	Trịnh Thị	Linh	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,5	5,5	Đạt
177	CNTTCB1044	Đặng Thị	Loan	17/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
178	CNTTCB1045	Đặng Văn	Long	08/03/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
179	CNTTCB1046	Nguyễn Minh	Long	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
180	CNTTCB1047	Nhiều Bảo	Long	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,0	Đạt
181	CNTTCB1048	Vi Thị	Lộc	18/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
182	CNTTCB1049	Phạm Văn	Luận	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
183	CNTTCB1050	Nguyễn Quang	Lực	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	6,0	Đạt
184	CNTTCB1051	Trần Đàm Khánh	Ly	29/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
185	CNTTCB1052	Nông Thị	Mai	13/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
186	CNTTCB1053	Dương Văn	Mạnh	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
187	CNTTCB1054	Nguyễn Hữu	Mạnh	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
188	CNTTCB1055	Nguyễn Phúc	Mạnh	15/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt
189	CNTTCB1056	Hoàng Thị	Miên	21/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
190	CNTTCB1057	Vũ Thị	Miền	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
191	CNTTCB1058	Nông Thị	Miêu	20/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt
192	CNTTCB1059	Đoàn Quang	Minh	04/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt
193	CNTTCB1060	Lư Văn	Minh	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,5	5,0	Đạt
194	CNTTCB1061	Lục Văn	Minh	24/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
195	CNTTCB1062	Nguyễn Đức	Minh	31/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt
196	CNTTCB1063	Nguyễn Thế	Minh	24/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
197	CNTTCB1064	Nguyễn Văn	Minh	22/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
198	CNTTCB1065	Trương Văn	Minh	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
199	CNTTCB1066	Lăng Thị	Mùi	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
200	CNTTCB1067	Lành Tuyết	My	24/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	5,5	Đạt
201	CNTTCB1068	Hoàng Văn	Mỹ	01/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt
202	CNTTCB1069	Trần Thị	Mỹ	05/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
203	CNTTCB1070	Chu Quang	Nam	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
204	CNTTCB1071	Hoàng Gia	Nam	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
205	CNTTCB1072	Phạm Văn	Nam	19/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
206	CNTTCB1073	Trung Hải	Nam	23/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
207	CNTTCB1074	Khúc Thị	Nga	08/03/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	Đạt
208	CNTTCB1075	Lê Thị Vân	Nga	23/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
209	CNTTCB1076	Lý Thị	Nga	12/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt
210	CNTTCB1077	Đỗ Thị	Ngân	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
211	CNTTCB1078	Hoàng Thị Kim	Ngân	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,0	Đạt
212	CNTTCB1079	Nguyễn Thị Phương	Ngân	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
213	CNTTCB1080	Nông Thục	Ngân	22/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt
214	CNTTCB1081	Vi Thị	Ngân	30/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
215	CNTTCB1082	Vũ Đức	Nghĩa	22/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
216	CNTTCB1083	Trịnh Đăng	Ngo	14/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
217	CNTTCB1084	Dương Thị Thanh	Ngoan	22/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
218	CNTTCB1085	Ân Thị	Ngọc	15/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
219	CNTTCB1086	Hoàng Thị	Ngọc	17/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
220	CNTTCB1087	Lục Thị	Ngọc	02/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt
221	CNTTCB1088	Trần Như	Ngọc	28/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
222	CNTTCB1089	Thân Quang	Nguyễn	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
223	CNTTCB1090	Nguyễn Phú	Nhã	21/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	Đạt
224	CNTTCB1091	Giáp Văn	Nhật	15/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
225	CNTTCB1092	Hoàng Văn	Nhật	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	7,0	5,5	Đạt
226	CNTTCB1093	Hoàng Thị	Nhung	03/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt
227	CNTTCB1094	Hoàng Thị	Nhung	11/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
228	CNTTCB1095	Thân Thị	Nhung	01/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
229	CNTTCB1096	Hoàng Thị	Oanh	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	Đạt
230	CNTTCB1097	La Thị	Oanh	05/03/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
231	CNTTCB1098	Lý Thị	Oanh	15/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt
232	CNTTCB1099	Nguyễn Thị Kim	Oanh	03/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
233	CNTTCB1100	Nguyễn Đức Tuấn	Phi	27/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
234	CNTTCB1101	Hoàng Văn	Phong	06/10/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
235	CNTTCB1102	Trần Đắc	Phong	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt
236	CNTTCB1103	Hoàng Văn	Phúc	14/06/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	5,5	5,5	Đạt
237	CNTTCB1104	Trương Văn Minh	Phúc	08/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
238	CNTTCB1105	Vi Văn	Phúc	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
239	CNTTCB1106	Trịnh Văn	Phục	05/08/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	Đạt
240	CNTTCB1107	Nguyễn Văn	Phụng	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
241	CNTTCB1108	Hoàng Thị	Phương	31/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
242	CNTTCB1109	Luân Thị	Phương	04/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt
243	CNTTCB1110	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
244	CNTTCB1111	Nguyễn Văn	Phương	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
245	CNTTCB1112	Trần Văn	Phương	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
246	CNTTCB1113	Bùi Minh	Phượng	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
247	CNTTCB1114	Hoàng Thị	Phượng	24/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	5,5	Đạt
248	CNTTCB1115	Đình Văn	Quang	14/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
249	CNTTCB1116	Đường Minh	Quang	03/01/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	5,5	Đạt
250	CNTTCB1117	Hoàng Văn	Quang	09/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
251	CNTTCB1118	Lục Văn	Quang	21/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
252	CNTTCB1119	Trần Minh	Quang	28/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
253	CNTTCB1120	Hà Văn	Quân	22/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
254	CNTTCB1121	Hồ Minh	Quân	11/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
255	CNTTCB1122	Nguyễn Văn	Quân	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
256	CNTTCB1123	Hoàng Văn	Quý	14/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
257	CNTTCB1124	Nguyễn Văn	Quốc	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
258	CNTTCB1125	Triệu Văn	Quốc	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
259	CNTTCB1126	Vi Văn	Quốc	26/04/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	Đạt
260	CNTTCB1127	Nguyễn Ngọc	Quý	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
261	CNTTCB1128	Giáp Thị	Quyên	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
262	CNTTCB1129	Lưu Văn	Quyên	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt
263	CNTTCB1130	Mạc Văn	Quyên	10/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
264	CNTTCB1131	Dương Văn	Quyết	17/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
265	CNTTCB1132	Mạc Hương	Quỳnh	31/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
266	CNTTCB1133	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
267	CNTTCB1134	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
268	CNTTCB1135	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	13/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
269	CNTTCB1136	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	02/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
270	CNTTCB1137	Phạm Ngọc	Quỳnh	04/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
271	CNTTCB1138	Vũ Thị Ngọc	Quỳnh	14/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
272	CNTTCB1139	Lương Hoàng	Rồng	09/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
273	CNTTCB1140	Nguyễn Văn	Sang	10/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
274	CNTTCB1141	Phạm Tùng	Sinh	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt
275	CNTTCB1142	Từ Văn	Sinh	20/04/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,2	5,5	Đạt
276	CNTTCB1143	Hoàng Quang	Sơn	12/03/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
277	CNTTCB1144	Hoàng Quốc	Sơn	13/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
278	CNTTCB1145	Hoàng Thanh	Sơn	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
279	CNTTCB1146	Nông Văn	Sơn	05/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
280	CNTTCB1147	Trần Xuân	Sơn	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt
281	CNTTCB1148	Trương Hồng	Sơn	14/03/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt
282	CNTTCB1149	Lăng Xuân	Tâm	25/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
283	CNTTCB1150	Leo Văn	Tâm	16/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt
284	CNTTCB1151	Nguyễn Thanh	Tâm	29/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
285	CNTTCB1152	Vi Văn	Tâm	02/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
286	CNTTCB1153	Nguyễn Chí	Tân	06/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
287	CNTTCB1154	Vũ Nhật	Tân	08/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
288	CNTTCB1155	Bùi Đình	Tấn	14/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt
289	CNTTCB1156	Mai Kiên	Thành	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
290	CNTTCB1157	Nguyễn Xuân	Thành	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt
291	CNTTCB1158	Lâm Phương	Thảo	02/11/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,0	Đạt
292	CNTTCB1159	Nguyễn Thị	Thảo	14/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
293	CNTTCB1160	Nguyễn Thị	Thảo	21/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
294	CNTTCB1161	Nguyễn Thu	Thảo	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
295	CNTTCB1162	Trịnh Phương	Thảo	28/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
296	CNTTCB1163	Vũ Phương	Thảo	06/09/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	Đạt
297	CNTTCB1164	Trần Văn	Thắng	15/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
298	CNTTCB1165	Vi Văn	Thắng	29/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
299	CNTTCB1166	Hoàng Văn	Thi	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
300	CNTTCB1167	Triệu Thanh	Thiên	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt
301	CNTTCB1168	Phùng Ngọc	Thiện	04/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt
302	CNTTCB1169	Giáp Văn	Thiệu	26/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
303	CNTTCB1170	Hoàng Xuân	Thịnh	13/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
304	CNTTCB1171	Luân Văn	Thịnh	16/02/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
305	CNTTCB1172	Lý Thị	Thịnh	15/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	Đạt
306	CNTTCB1173	Giáp Thị	Thơm	11/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt
307	CNTTCB1174	Ân Thị	Thu	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	5,5	Đạt
308	CNTTCB1175	Nguyễn Thị	Thu	23/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
309	CNTTCB1176	Giáp Đình	Thuân	12/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
310	CNTTCB1177	Nguyễn Thị	Thúy	28/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	6,0	Đạt
311	CNTTCB1178	Giáp Thị	Thủy	20/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	Đạt
312	CNTTCB1179	Leo Thị	Thủy	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt
313	CNTTCB1180	Lý Thị	Thủy	10/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,5	Đạt
314	CNTTCB1181	Trịnh Thị	Thủy	15/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
315	CNTTCB1182	Dương Văn	Thư	18/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
316	CNTTCB1183	Lưu Thị Lệ	Thư	07/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	6,0	Đạt
317	CNTTCB1184	Nguyễn Thị	Thư	15/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
318	CNTTCB1185	Trịnh Thị	Thư	07/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt
319	CNTTCB1186	Vũ Minh	Thư	06/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
320	CNTTCB1187	Trương Thị	Thương	10/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
321	CNTTCB1188	Hứa Văn	Thường	12/09/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
322	CNTTCB1189	Nguyễn Đức	Thường	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt
323	CNTTCB1190	Lưu Xuân	Tình	06/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	5,5	Đạt
324	CNTTCB1191	Nguyễn Đức	Toán	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
325	CNTTCB1192	Diệp Văn	Toàn	20/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
326	CNTTCB1193	Giáp Mạnh	Toàn	11/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
327	CNTTCB1194	Phạm Đức	Tôn	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
328	CNTTCB1195	Hoàng Thị	Trà	21/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
329	CNTTCB1196	Dương Thị Thu	Trang	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
330	CNTTCB1197	Kiều Thị	Trang	07/06/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt
331	CNTTCB1198	Lâm Thị	Trang	07/09/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,5	Đạt
332	CNTTCB1199	Phạm Thị Huyền	Trang	06/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	Đạt
333	CNTTCB1200	Phượng Thu	Trang	25/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
334	CNTTCB1201	Nguyễn Đức	Triển	08/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
335	CNTTCB1202	Leo Văn	Trọng	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt
336	CNTTCB1203	Diệp Ngọc	Trung	16/02/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,2	5,5	Đạt
337	CNTTCB1204	Bàn Xuân	Trường	14/07/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,5	6,0	Đạt
338	CNTTCB1205	Dương Quang	Trường	27/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,5	5,5	Đạt
339	CNTTCB1206	Lê Thanh	Tú	20/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	Đạt
340	CNTTCB1207	Bằng Quốc	Tuấn	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt
341	CNTTCB1208	Đình Quang	Tuấn	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
342	CNTTCB1209	Nguyễn Văn	Tuấn	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
343	CNTTCB1210	Triệu Quốc	Tuấn	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,0	Đạt
344	CNTTCB1211	Vũ Tiến	Tuấn	09/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
345	CNTTCB1212	Leo Văn	Tùng	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt
346	CNTTCB1213	Nguyễn Khắc	Tùng	23/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
347	CNTTCB1214	Vì Văn	Tùng	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
348	CNTTCB1215	Chu Văn	Tuyên	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt
349	CNTTCB1216	Lý Mạnh	Tuyên	25/07/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,0	Đạt
350	CNTTCB1217	Hoàng Tiểu	Tuyền	09/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt
351	CNTTCB1218	Nguyễn Thị	Tuyền	20/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	Đạt
352	CNTTCB1219	Lê Văn	Tuyền	04/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
353	CNTTCB1220	Trần Thị Ánh	Tuyết	15/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
354	CNTTCB1221	Bàn Thị	Tươi	16/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Dao	6,0	6,0	Đạt
355	CNTTCB1222	Nguyễn Thị	Tươi	14/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt
356	CNTTCB1223	La Thị	Uyên	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt
357	CNTTCB1224	Hà Bình	Văn	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
358	CNTTCB1225	Mã Thị Hồng	Vân	07/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt
359	CNTTCB1226	Bùi Đức	Việt	18/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
360	CNTTCB1227	Đình Thế	Việt	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
361	CNTTCB1228	Dương Văn	Việt	15/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	6,0	Đạt
362	CNTTCB1229	Phùng Văn	Việt	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
363	CNTTCB1230	Tô Văn	Việt	03/05/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
364	CNTTCB1231	Hứa Văn	Vinh	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
365	CNTTCB1232	Nguyễn Thành	Vinh	01/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
366	CNTTCB1233	Vũ Văn	Vinh	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
367	CNTTCB1234	Hoàng Tuấn	Vũ	22/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
368	CNTTCB1235	Chu Thị	Vương	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
369	CNTTCB1236	Mạc Văn	Vương	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
370	CNTTCB1237	Vi Văn	Vượng	13/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
371	CNTTCB1238	Hoàng Thị	Xuân	09/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
372	CNTTCB1239	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	04/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt
373	CNTTCB1240	Nguyễn Văn	Xuân	26/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
374	CNTTCB1241	Vi Thị	Xuân	24/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
375	CNTTCB1242	Vi Văn	Xuyên	23/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
376	CNTTCB1243	Lăng Văn	Yên	04/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt
377	CNTTCB1244	Đỗ Thị	Yên	27/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
378	CNTTCB1245	Trần Hải	Yên	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
379	CNTTCB1246	Nghiêm Xuân	Bằng	16/09/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,5	Đạt
380	CNTTCB1247	Nguyễn Khắc	Tùng	10/08/1992	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,7	8,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 380./.